

DANH SÁCH LỚP 10A10 - NĂM HỌC 2026 - 2027 (Tổ hợp 2)

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm TS 10	Điểm khảo sát				Điểm Xếp Lớp	Lớp
					M1	M2	M3	Tổng KS		
1	Đặng Nguyễn Ngọc	Anh	30-09-2011	20.75	6.75	4	6.5	17.25	38.00	10A10
2	Phạm Đoàn Quỳnh	Anh	10-06-2011	21.25	6.25	4.25	5	15.5	36.75	10A10
3	Lã Phạm Quỳnh	Anh	24-06-2011	22.50	4.5	4	4.75	13.25	35.75	10A10
4	Huỳnh Kim	Anh	05-07-2011	20.50	5.75	2.75	3.5	12	32.50	10A10
5	Bùi Dương Thái	Bình	07-07-2011	23.50	4.25	0	5	9.25	32.75	10A10
6	Nguyễn Nữ Diệp	Chi	17-04-2011	20.50	4	2.25	6	12.25	32.75	10A10
7	Tăng Văn	Đức	18-05-2011	22.50	5	4.5	3.25	12.75	35.25	10A10
8	Trần Tấn	Dũng	22-09-2011	21.00	5.75	4.25	6	16	37.00	10A10
9	Đặng Trọng	Dũng	30-06-2011	21.50	5	4	2.25	11.25	32.75	10A10
10	Mai Thị Thùy	Dương	14-02-2011	23.75	6.75	0.75	4	11.5	35.25	10A10
11	Lê Nguyễn	Duy	23-08-2011	20.25	4.5	5.25	3	12.75	33.00	10A10
12	Đặng Thị Thu	Hà	26-10-2011	21.00	6.75	4.5	4.75	16	37.00	10A10
13	Huỳnh Thế	Hiển	18-07-2011	22.75	5	3	4.5	12.5	35.25	10A10
14	Nguyễn Huy	Hiệp	04-06-2011	20.50	6.75	4.25	5.75	16.75	37.25	10A10
15	Lê Trọng	Hiếu	31-08-2011	21.50	5.5	2	4.5	12	33.50	10A10
16	Nguyễn Hoàng	Huy	13-10-2011	21.75	4	4	6.25	14.25	36.00	10A10
17	Lê Hữu Gia	Huy	28-05-2011	21.25	5.75	3.5	2.75	12	33.25	10A10
18	Nguyễn Thanh	Huyền	11-07-2011	20.75	5	4.25	6.25	15.5	36.25	10A10
19	Vũ Trương Minh	Khôi	16-02-2011	21.75	4.25	1	4.75	10	31.75	10A10
20	Nguyễn Phạm Khánh	Linh	25-08-2011	21.75	4.5	3	6.25	13.75	35.50	10A10
21	Nguyễn Lã Thùy	Linh	21-12-2011	20.25	4.75	2.5	4.75	12	32.25	10A10
22	Bồ Quốc	Minh	19-03-2011	21.00	2.75	3.5	4.75	11	32.00	10A10
23	Đinh Khánh	Ngọc	13-03-2011	24.25	4.25	5.25	4	13.5	37.75	10A10
24	Đinh Bảo	Ngọc	14-03-2011	21.25	5.25	3.25	5.5	14	35.25	10A10
25	Nguyễn Đặng Khánh	Ngọc	16-11-2011	20.25	4	4	6	14	34.25	10A10
26	Trương Khánh	Ngọc	19-09-2011	22.25	3.75	0	3.5	7.25	29.50	10A10
27	Dương Ngọc Yến	Nhi	07-08-2011	23.25	4.5	5	5.25	14.75	38.00	10A10
28	Phan Ngọc Anh	Phát	02-04-2011	20.75	7	3	5.5	15.5	36.25	10A10
29	Đinh Hồng	Phúc	22-10-2011	22.75	9	3	7.5	19.5	42.25	10A10
30	Hồ Trần Gia	Phúc	26-05-2011	22.25	5	2.75	2.75	10.5	32.75	10A10
31	Trần Nguyên	Phước	24-01-2011	23.25	2.5	4.5	4.75	11.75	35.00	10A10

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm TS 10	Điểm khảo sát				Điểm Xếp Lớp	Lớp
					M1	M2	M3	Tổng KS		
32	Bùi Minh	Quân	16-06-2011	20.75	5.25	3.5	5	13.75	34.50	10A10
33	Nguyễn Nhật	Quang	22-04-2011	22.50	6.5	1	7.75	15.25	37.75	10A10
34	Trịnh Đình	Sáng	24-07-2011	20.25	4.5	3	6.75	14.25	34.50	10A10
35	Trương Việt	Thắng	13-11-2011	23.25	3.75	4.5	6.25	14.5	37.75	10A10
36	Hoàng Tuấn	Thành	25-07-2011	20.50	6.25	3	3	12.25	32.75	10A10
37	Vũ Đức	Thiện	14-03-2011	20.25	4.5	4.5	3.25	12.25	32.50	10A10
38	Đình Nguyễn Hà	Thư	29-06-2011	20.75	6.75	5	4.5	16.25	37.00	10A10
39	Lê Minh	Thư	24-05-2011	20.25	5.25	5	3.5	13.75	34.00	10A10
40	Nguyễn Anh	Thư	17-08-2011	22.00	3.75	3	3.75	10.5	32.50	10A10
41	Nguyễn Minh	Thư	10-10-2011	21.25	3.25	4	4	11.25	32.50	10A10
42	Trần Việt	Toàn	20-01-2011	21.25	4.75	5.5	3.75	14	35.25	10A10
43	Thái Thị Cẩm	Tú	05-02-2011	20.25	1.25	8	8.25	17.5	37.75	10A10
44	Trần Minh	Vân	01-06-2011	23.25	3	1.5	4	8.5	31.75	10A10
45	Đình Thị Hải	Vân	04-04-2011	21.75	5.25	5	7.75	18	39.75	10A10
46	Triệu Hà Thảo	Vy	28-12-2011	21.00	5.75	2	6.75	14.5	35.50	10A10
47	Nguyễn Đức Gia	Khang	HÒA NHẬP							10A10
48	Trà Hoàng Đăng	Khoa	HÒA NHẬP							10A10